

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Nguyễn Văn Thanh.

2/. Bà Trần Thị Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 331/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST ngày 28/3/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Kim T, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn L, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Kim T trình bày:**

Tôi và anh Lê Văn L quen biết nhau khoảng 03 năm và kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn liên quan đến việc anh L không phụ giúp tôi chăm sóc con chung, anh L đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi thì đi làm ở khu công nghiệp T, huyện C1, tỉnh Tiền Giang. Tôi nhiều lần bàn bạc với anh L sắp xếp để vợ chồng cùng sống chung tại Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ở Tiền Giang để vợ chồng gần nhau tiện chăm sóc con chung nhưng anh L không chịu, từ đó dẫn đến vợ chồng thường

xuyên cứa nhau, chúng tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả và chúng tôi đã ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay, anh L cũng không về thăm tôi và con, tôi không liên lạc được với anh L từ tháng 11/2020 đến nay. Gia đình hai bên có tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh L .

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Võ Bảo Tr, sinh ngày 01/5/2020, từ trước đến nay cháu Tr do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên ly hôn tôi yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, tại đơn xin ly hôn và buổi hòa giải trước đây tôi yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr, nay tôi rút lại yêu cầu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Lê Văn L đã được Tòa án tổng hợp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L .

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Võ Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn L nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn L có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Võ Thị Kim T và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 27/4/2020 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày mâu thuẫn liên quan đến việc anh L không phụ chị chăm sóc con chung, bất đồng quan điểm trong việc tạo dựng cuộc sống chung, tính tình không hợp nên thường xuyên cứa mứa mặc dù gia đình hai bên có hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Chị T và anh L ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L, anh L không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, Chị T và anh L đã ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm hiệu

quả, điều đó chứng tỏ anh L và Chị T không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu xin ly hôn của Chị T là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là cháu Lê Võ Bảo Tr, sinh ngày 01/5/2020, ly hôn Chị T có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr. Xét thấy về điều kiện nuôi con, Chị T hiện đi làm công nhân công ty TNHH túi xách S Việt Nam với mức lương theo giấy xác nhận của công ty là 5.200.000 đồng/tháng, Chị T hiện sinh sống chung cha mẹ ruột, gia đình Chị T cũng cùng chăm lo, chăm sóc cháu Tr nên đủ điều kiện đảm bảo sự phát triển của cháu Tr. Ngoài ra, từ khi sống ly thân với anh L đến nay, Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, do đó để đảm bảo môi trường ổn định cho sự phát triển của cháu Tr cần tiếp tục giao cháu Tr cho Chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa Chị T rút lại yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của Chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị Võ Thị Kim T .
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim T .

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim T được ly hôn với anh Lê Văn L .

Về con chung: Giao con chung tên Lê Võ Bảo Tr, sinh ngày 01/5/2020 cho chị Võ Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị T chưa yêu cầu.

Anh Lê Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

### 3. Về án phí:

- Chị Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001371 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Chị T đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Giang**